

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình	: Quản trị sự kiện
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Quản trị sự kiện (Event Management)
Loại hình đào tạo	: Chính quy tập trung
Khóa	: 2021-2025

(Ban hành theo quyết định số 26/43 /QĐ-ĐHHS ngày 29 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen)

Phiên bản 01 - Áp dụng từ Học kỳ 01, năm học 2021-2022

1. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

1.1 Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình Cử nhân ngành Quản trị Sự kiện đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Cụ thể chương trình Cử nhân Quản trị Sự kiện thể hiện các mục tiêu giáo dục sau:

1. Sinh viên tốt nghiệp có thể vận dụng các kiến thức, kỹ năng quản trị và điều hành chuyên ngành cũng như năng lực lãnh đạo, tổ chức trong môi trường hội nhập để tham gia công việc quản lý từ bậc trung cấp đến cao cấp trong lĩnh vực hoạt động sự kiện.
2. Sinh viên tích cực tìm tòi ý tưởng để thiết kế những sản phẩm và chương trình mới trong lĩnh vực hoạt động sự kiện.
3. Sinh viên làm việc hiệu quả, lời cuốn và thuyết phục các đối tượng khách trong môi trường hoạt động sự kiện đa văn hóa và hội nhập quốc tế.
4. Sinh viên có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, thích ứng dễ dàng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường làm việc.
5. Sinh viên có tinh thần phục vụ cộng đồng.
6. Sinh viên sử dụng thành thạo tin học văn phòng (Word, Excel, Power Point).

1.2 Chuẩn đầu ra

Tốt nghiệp chương trình Cử nhân ngành Quản trị Sự kiện, sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra như sau:

Thái độ và đạo đức nghề nghiệp

1. Hiếu học, hiếu tri.
2. Tôn trọng sự đa dạng, đa chiều trong quan điểm, suy nghĩ, hoạt động.
3. Năng động, cầu tiến, tự tin trong công việc, có khả năng hòa nhập và làm việc trong môi trường đa ngành, đa văn hóa.
4. Phân tích, đánh giá và lựa chọn những hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức và luật pháp của ngành nghề.

Năng lực chuyên môn

1. Hiểu về cơ cấu tổ chức và vận hành các loại sự kiện.
2. Nhớ các kiến thức chuyên môn trong việc quản lý, vận hành và tổ chức sự kiện.

3. Vận dụng kiến thức đã học để lập kế hoạch tổ chức được nhiều loại sự kiện.
4. Vận dụng xây dựng được kịch bản và kế hoạch truyền thông cho các sự kiện.
5. Vận dụng xây dựng được quy trình làm việc và tổ chức giám sát các bộ phận chuyên trách trong hoạt động sự kiện.
6. Phân tích tâm lý và chăm sóc khách hàng trước, trong và sau khi tổ chức các sự kiện.
7. Đánh giá kế hoạch tiếp thị và kinh doanh trong việc kinh doanh sự kiện.
8. Lập kế hoạch phát triển đội ngũ nhân sự làm việc trong các sự kiện.

Khả năng hội nhập và học tập suốt đời

1. Xác định và đưa ra hướng giải quyết vấn đề của tổ chức hoặc cộng đồng.
2. Phát triển và duy trì hiệu quả các mối quan hệ với đồng nghiệp và đối tác.
3. Vận dụng những ý tưởng mới phục vụ công việc tổ chức sự kiện.
4. Tìm kiếm, thu thập, đánh giá và xử lý thông tin chính xác từ nhiều nguồn khác nhau.
5. Sử dụng công nghệ thành thạo và thường xuyên cập nhật công nghệ mới.
6. Lập kế hoạch tự học để nâng cao các kỹ năng và năng lực chuyên môn.
7. Giao tiếp hiệu quả trong môi trường chuyên nghiệp và hội nhập quốc tế.
8. Tôn trọng sự đa dạng, khác biệt giữa các nền văn hoá.
9. Có trình độ tiếng Anh tối thiểu tương đương trình độ B1.

Cơ hội nghề nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc trong lĩnh vực sự kiện ở các môi trường kinh doanh sự kiện như các công ty tổ chức sự kiện, công ty lữ hành, nhà hàng, khách sạn với các vị trí và bộ phận như sau:

- Nhân viên điều phối sự kiện truyền thông và giải trí
- Nhân viên điều phối sự kiện thể thao
- Nhân viên điều phối sự kiện chuyên đề
- Nhân viên lập kế hoạch sự kiện chuyên đề
- Biên tập viên các chương trình sự kiện chuyên đề
- Nhân viên kinh doanh và phát triển thị trường sự kiện
- Nhân viên hành chính nhân sự
- Nhân viên hậu cần (logistic)
- Nhân viên truyền thông và quan hệ công chúng
- Nhân viên giám sát kỹ thuật hậu đài
- Quản lý trong công ty tổ chức sự kiện
- Giám đốc điều hành công ty tổ chức sự kiện

2. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 126 tín chỉ (không bao gồm kiến thức Giáo dục thể chất – 03 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – An ninh – 165 tiết)

Đầu khóa học sinh viên được xếp lớp:

a. Trình độ ngoại ngữ:

Căn cứ vào điểm thi Trung học phổ thông quốc gia môn anh văn (nếu có) hoặc kết quả thi xếp lớp (nếu sinh viên có đăng ký dự thi), sinh viên sẽ được xếp lớp tương ứng từ cấp độ anh văn dự bị trở lên và học theo quy định học ngoại ngữ tại trường.

b. Trình độ tin học:

Kiến thức Tin học đại cương là yêu cầu đầu vào vì là điều kiện tiên quyết của một số môn trong Chương trình đào tạo (bậc Đại học) nên vào học kỳ 1 sinh viên sẽ được xếp học môn Tin học dự bị (không có tín chỉ). Sinh viên có thể đăng ký kiểm tra trình độ tin học và nếu điểm kiểm tra đạt từ 5.0 trở lên sẽ được miễn môn Tin học dự bị.

4. Đối tượng tuyển sinh:

Theo quy chế Tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1863/QĐ BGH ngày 05/11/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen.

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên và không có môn học không đạt (điểm D+, D, D-, F).
- Các môn học thuộc các mục từ 7.1.1 đến 7.1.3 có điểm TKMH ≥ 4.0 (hệ 10)
- Các môn học thuộc các mục từ 7.1.4 đến 7.2.4 có điểm TKMH ≥ 5.0 (hệ 10)
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và hoàn thành Chương trình Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ chuẩn đầu ra tiếng Anh tối thiểu tương đương trình độ B1.
- Và một số quy định khác theo quy chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1863/QĐ-BGH của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen, ký ngày ngày 5 tháng 11 năm 2013.

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân ngành Quản trị Sự kiện của Trường Đại học Hoa Sen.

6. Thang điểm

Stt	Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Đạt (tính số tín chỉ tích lũy)	9,0 – 10	A	4,0
2		8,5 – 8,9	A-	3,7
3		7,5 – 8,4	B+	3,3
4		7,0 – 7,4	B	3,0
5		6,0 – 6,9	B-	2,7
6		5,5 – 5,9	C+	2,3
7		5,0 – 5,4	C	2,0
8	(Đạt có điều kiện)	4,0 – 4,9	C-	1,7
9	Không đạt	3,0 – 3,9	D+	1,3
10		2,0 – 2,9	D	1,0
11		1,0 – 1,9	D-	0,7
12		00 – 0,9	F	00

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương

7.1.1 Lý luận Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	45	3	
2	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	30	2	
3	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	30	2	
4	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	30	2	
5	DC144DV01	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	30	2	
Cộng				165	11	

7.1.2 Khoa học xã hội

– Bắt buộc (6 tín chỉ):

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DC203DV01	Dẫn nhập phương pháp nghiên cứu	Introduction to Research Methods	45	3	
2	HOA214DV01	Tư duy thiết kế	Design Thinking	45	3	
Cộng				90	6	

– Tự chọn (3 tín chỉ): chọn 01 môn

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DC119DV02	Giới và phát triển tại Việt Nam	Gender and Development in Viet Nam	45	3	
2	DC120DV02	Con người và môi trường	Humans and the Environment	45	3	
3	DC121DV02	Triết học trong cuộc sống	Philosophy in Practice	45	3	
4	DC205DV02	Truyền thông đại chúng và xã hội	Mass Communication and Society	45	3	
5	PSY107DV01	Tâm lý học – Khái niệm và ứng dụng	Psychology-Concepts and Applications	45	3	
6	DC145DV01	Công tác xã hội nhập môn	Introduction to Social Work	45	3	
Cộng				90	3	

7.1.3 Toán – tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MIS216DV02	Tin học ứng dụng khối ngành Du lịch	Information Technology in Tourism	45	3	
Cộng				45	3	

7.1.4 Ngoại ngữ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
2	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC 4	105	5	
3	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC 5	105	5	
4	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC 6	105	5	
Cộng				420	20	

7.1.5 Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ

7.1.6 Giáo dục Quốc phòng – An ninh: 165 tiết, cấp chứng chỉ GDQP – An ninh

7.1.7 Thực tập nhận thức tại doanh nghiệp: 7 tuần, 3 TC

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1 Kiến thức cơ sở

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DL302DV02	Nhập môn Quản trị sự kiện	Introduction to Events Management	45	3	
2	SK101DV01	Quy tắc ứng xử và phẩm chất đạo đức trong sự kiện	Ethics and Etiquette in Event Management	45	3	
3	SK204DE01	Marketing & Truyền thông trong sự kiện	Marketing & PR in Events	45	3	
4	KT204DV02	Nguyên lý Kế toán	Introduction to Accounting	45	3	
Cộng				180	12	

7.2.2 Kiến thức ngành chính

7.2.2.1 Kiến thức chung ngành chính

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	SK301DE01	Dịch vụ tiếp đãi trong ngành sự kiện	Event Hospitality	45	3	
2	SK201DE01	Quản trị nhân sự trong sự kiện	Human Resource Management in Events	45	3	
3	DL328DE02	Quản lý khách hàng trong tổ chức sự kiện	Event Account Management	45	3	
4	DL405DE02	Sản xuất & thi công trong ngành Sự kiện	Event Operation & Production	45	3	
5	SK202DV01	Công nghệ & Ứng dụng trong ngành sự kiện	Applied Technology in Events	45	3	
6	SK302DV01	Quản trị rủi ro và an toàn cho khách	Risk Management and Visitor Safety	45	3	
7	SK203DV01	Văn bản pháp luật và quy trình xin giấy phép trong ngành sự kiện	Applied Law in Events Industry	45	3	
8	SK205DV01	Phương pháp viết đề án trong tổ chức sự kiện	Proposal Writing Technique	45	3	
9	SK401DV01	Quản trị Dự án trong ngành Sự kiện	Project Management in Events	45	3	
10	SK402DV01	Tài chính & Kiểm soát ngân sách trong ngành Sự kiện	Finance & Budget Control in Events	45	3	
11	DL323DE01	Cung ứng dịch vụ ăn uống	Catering for Events	45	3	
12	MK407DV01	Quản trị tài trợ và sự kiện	Events & Sponsors Management	45	3	
Cộng				540	36	

7.2.2.2 Kiến thức chuyên sâu ngành chính

- Bắt buộc (SV chọn 1 trong 3 hướng ngành sau):

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
		Hướng ngành Sự kiện M.I.C.E – Du lịch				

1	SK301DE01	Dịch vụ tiếp đãi trong sự kiện M.I.C.E	M.I.C.E Hospitality	45	3	
2	DL311DE03	Quản trị M.I.C.E	M.I.C.E Management	45	3	
3	SK304DV01	Giao thoa văn hóa trong tổ chức sự kiện M.I.C.E	Cross-cultural Values in M.I.C.E Events	45	3	
Hướng ngành Sự kiện Giải trí – Văn hóa – Nghệ thuật						
1	SK305DV01	Thiết kế sân khấu	Staging Design and Production	45	3	
2	SK306DV01	Biên tập chương trình sự kiện	Copywriting in Events	45	3	
3	SK403DE01	Quản trị sự kiện Giải trí – Văn hóa – Nghệ thuật	Recreation- Culture- Art event Management	45	3	
Hướng ngành Sự kiện Thể thao						
1	SK404DE01	Quản trị sự kiện thể thao	Contemporary Sport Event Management	45	3	
2	SK308DV01	Quản lý địa điểm và cơ sở vật chất trong sự kiện thể thao	Facility and Venue Management in Sport Event	45	3	
3	SK309DE01	Tổ chức & đánh giá sự kiện thể thao	Operation & Measurement of Sport Event	45	3	
Cộng				135	9	

- Tự chọn: (9 tín chỉ, 3 môn)

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	SK311DV01	Khai thác yếu tố văn hóa trong tổ chức sự kiện	Cultural Elements in Recreation – Culture – Art events	45	3	
2	KS314DV02	Chăm sóc khách hàng trong môi trường toàn cầu	Customer Service in a Global Environment	45	3	
3	SK313DV01	Quản trị sự kiện bền vững	Sustainable Event Management	45	3	
4	SK312DV01	Quản lý đám đông trong sự kiện	Crowd Management in Events	45	3	
5	SK405DV01	Quản trị chiến lược trong du lịch, khách sạn và sự kiện	Strategic Management for Tourism, Hospitality and Events	45	3	
Cộng				135	9	

- Đề án:

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DL201DV02	Đề án 1: Khảo sát ý kiến khách hàng	Project 1: Customer Survey	0	2	
2	DL313DV03	Đề án 2: Quản lý dự án du lịch	Project 2: Tourism Project Management	0	2	
Cộng				0	4	

7.2.3 Kiến thức bổ trợ tự do

Sinh viên được tự do lựa chọn 6 tín chỉ các môn học nằm trong danh mục môn học của trường, trừ các tín chỉ bắt buộc, tự chọn bắt buộc đã được công nhận của CTĐT.

7.2.4 Tốt nghiệp

Khoa sẽ căn cứ *Quy định hướng dẫn về làm Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp* xét duyệt từng sinh viên để xác định việc học 1 trong 2 hình thức:

- Khóa luận tốt nghiệp (9 tín chỉ)
- Thực tập tốt nghiệp (9 tín chỉ)

SV có hoàn cảnh đặc biệt không thể chọn 1 trong 2 hình thức ở trên phải làm đơn kèm minh chứng để Khoa xem xét cho học môn thay thế tốt nghiệp.

Nếu sinh viên tự ý học các môn thay thế tốt nghiệp sẽ được xem là môn tự chọn tự do hoặc môn học thêm.

8. **Kế hoạch học tập:** Các kế hoạch học tập đúng hạn (2 năm/3 năm/4 năm) hoặc học vượt (xem phụ lục đính kèm)

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

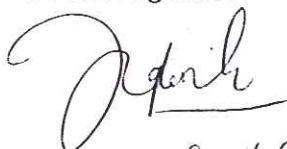
- 9.1. Đối với các môn tự chọn bắt buộc, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng thời điểm: sĩ số sinh viên dự kiến đăng ký, nguồn lực giảng viên, các điều kiện về CSVN.
- 9.2. Môn học được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.
- 9.3. Tùy theo số tín chỉ đã tích lũy ở bất kỳ thời điểm xem xét, sinh viên sẽ được phân loại theo năm học như sau:

Loại SV	Số tín chỉ đạt
SV năm I	0 - 36
SV năm II	37 - 76
SV năm III	77 - 116
SV năm IV	Từ 117 trở lên

Việc phân loại sinh viên theo số tín chỉ, so sánh với số năm học danh nghĩa cũng là căn cứ để xác định tình trạng học tập của sinh viên. Do đó, sinh viên cần có kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành Chương trình đào tạo trong thời gian tối đa được phép học tại trường.

Ngày 29. tháng 12 năm 2020

P. Trưởng Khoa


Trương Thị Hồng Minh

Ngày 29. tháng 12 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Điện

Ngày tháng năm 2020

Điều phối chương trình



PHỤ LỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KẾ HOẠCH HỌC TẬP ĐÚNG HẠN (3.5 NĂM)
(Trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 1)

Ngành: **KINH TẾ THỂ THAO**
 Bậc: **ĐẠI HỌC**
 Khóa: **2021-2025**

(Kế hoạch học tập xây dựng dựa trên Chương trình đào tạo ngành Kinh tế thể thao được ban hành theo quyết định số
218.../QĐ-DHHS của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen, ký ngày 02/2/2021)

HỌC KỲ 1

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn học trước
1	AV012DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 1	EIC 1	0	158	
2	AV013DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 2	EIC 2	0	158	AV012DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 1
3	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	45	
4	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	2	30	
5	SE201DV01	Nhập môn Kinh tế thể thao	Introduction to sport Economics	3	45	
6	TINV002DV01	Tin học dự bị		0	45	
Nhóm môn về thể thao: Chọn 02 môn - 02 tín chỉ trong các môn sau:						
7	PE113DV01	Pilates	Pilates	1	30	
8	PE114DV01	Kickboxing	Kickboxing	1	30	
9	PE115DV01	Chạy dài Marathon	Marathon	1	30	
Tổng cộng				10	571	

HỌC KỲ TẾT

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	DC004DV02	Giáo dục quốc phòng	-	0	165	
Tổng cộng				0	165	

Ghi chú: Tùy trình độ tiếng Anh đầu vào và tình hình thực tế của nhà trường, môn học Giáo dục quốc phòng sẽ được sắp xếp linh hoạt so với kế hoạch này.

HỌC KỲ 2

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn học trước
1	AV015DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 3	EIC 3	0	105	AV013DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 2
2	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC 4	5	105	AV015DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 3
3	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	DC141DV01_Kinh tế chính trị Mác-Lênin
4	MIS216DV02	Tin học ứng dụng khối ngành Du lịch	Information Technology in Tourism	3	45	TINV101DV02_Tin học đại cương hoặc TINV001DV01_Tin học dự bị
5	SK202DV01	Chuỗi chuyên đề về "Các vấn đề đương đại trong ngành Kinh tế thể thao"	Seminars in current issues of Sport economics	3	45	
Tổng cộng				13	330	

HỌC KỲ HÈ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC 5	5	105	AV117DV01 _Anh văn giao tiếp quốc tế 4
Tổng cộng				5	105	

HỌC KỲ 3

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn học trước
1	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC 6	5	105	AV210DV01 _Anh văn giao tiếp quốc tế 5
2	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	2	30	DC142DV01 _Chủ nghĩa xã hội khoa học
3	DC203DV01	Dẫn nhập phương pháp nghiên cứu	Introduction to Research Methods	3	45	
4	SK101DV01	Quy tắc ứng xử và phẩm chất đạo đức trong sự kiện	Code of conduct and Ethics in Events	3	45	
5	Môn Tự chọn KHXH - chọn 2 trong 4 môn sau:					
	DC202DV01	Tư duy phản biện	Critical Thinking	3	45	
	HOA214DV01	Tư duy thiết kế	Design Thinking	3	45	
	DC153DV01	Chuyển đổi sinh thái xã hội	Social Ecological Transformation	3	45	
	DC149DV01	Xử lý khủng hoảng	Crisis Management	3	45	
6	Môn tự chọn GDTC 1			1	45	
Tổng cộng				20	360	

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HỌC KỲ 4

HỌC KỲ 4

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn học trước
1	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	Introduction to Accounting	3	45	
2	SE203DV01	Hệ thống văn bản pháp luật và quản trị rủi ro trong thể thao	Sport Law and Risk Management	3	45	SE201D _Nhập môn Kinh tế thể thao
3	DC144DV01	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	2	30	DC143DV01 _Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	DL221DV01	Trách nhiệm xã hội của tổ chức trong du lịch	Corporate social responsibility in tourism	3	45	
5	MK203DV01	Marketing căn bản	Introduction to Marketing	3	45	
6	SE205DV01	Kiến thức cơ sở về An toàn trong thể thao	Fundamentals of Sport safety	3	45	SE201D _Nhập môn Kinh tế thể thao
7	SE303DV01	Quản lý công trình thể thao	Sport Facilities Management	3	45	SE201D _Nhập môn Kinh tế thể thao
8	Môn tự chọn GDTC 2			1	45	
Tổng cộng				21	345	

HỌC KỲ HÈ:

Stt	MSMH	Tên môn học	Tên môn học	Tín	Tổng số	Môn học trước
1	SE250DV01	Thực tập nhận thức	Work Experience Internship	3	7 tuần	
Tổng cộng				3		

HỌC KỲ 5

HỌC KỲ 5

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn học trước
1	SE206DV01	Tâm lý thể thao	Sport Psychology	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao
2	DL201DV02	Đề án 1: Khảo sát ý kiến khách hàng	Project 1: Customer Survey	2	0	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao DC203DV01 _ Nhập môn NCKH
3	SE301DE01	Hành vi khách hàng trong Kinh doanh và Quản lý thể thao	Customer behavior in Sport Business and Management	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
4	SE204DE01	Đạo đức kinh doanh và kỹ năng lãnh đạo trong thể thao	Business Ethics and Leadership in Sport	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
5	SE302DE01	Tài trợ và Marketing thể thao	Sport Sponsorship and Marketing communications	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
6	SE401DE01	Công nghệ, sáng tạo và Khởi nghiệp trong thể thao	Sport Technology Innovation and Entrepreneurship	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV211DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 6
7	SE304DE01	Nguyên lý huấn luyện thể thao	Principles of sport Coaching	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
8	Môn tự chọn GDTC 3			1	45	
Tổng cộng				21	840	

HỌC KỲ TẾT

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn học trước
1	SE403DE01	Quản lý các tổ chức thể thao	Management of Sport Organisations	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV211DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 6
2	SE404DE01	Quản lý nguồn nhân lực thể thao	Human Resource Management in Sport	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV211DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 6
Tổng cộng				6	90	

HỌC KỲ 6

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn học trước
1	DL313DV03	Đề án 2: Quản lý dự án du lịch	Project 2: Tourism Project Management	2	0	DL201DV02 - Đề án 1: Khảo sát ý kiến khách hàng
Sinh viên chọn 01 trong ba hướng ngành sau						
1. Hướng ngành : Quản lý các loại hình kinh doanh thể thao (Retail Sport Management)						
2	SE305DE01	Quản lý câu lạc bộ thể thao	Sport Club Management	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5

3	SE306DE01	Quản lý nhượng quyền trong thể thao	Franchise Sports Management	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
4	SE307DE01	Quản lý cửa hàng kinh doanh thể thao	Sport retail Management	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
2. Hướng ngành: Quản lý chăm sóc sức khỏe (Health and Fitness Management)						
2	SE308DE01	Nhập môn về Quản lý sức khỏe và Fitness	Introduction of Health and Fitness Management	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
3	SE309DE01	Chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng trong thể thao	Health and nutrition in Sport	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
4	SE310DE01	Quản lý chăm sóc sức khỏe và làm đẹp	Wellness, Spa and Beauty Management	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
3. Hướng ngành: Quản trị Marketing và truyền thông trong thể thao (Marketing and Communication in Sport Management)						
2	SE311DE01	Quan hệ công chúng thể thao	Sport public Relation	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
3	SE312DE01	Quản trị Truyền thông và Marketing tích hợp trong thể thao	Integrated Marketing & Communication Management in Sport	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
4	SE313DE01	Quản lý khách hàng trong thể thao	Account Management in Sport	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
5,6,7	Chọn 3 trong 4 môn học sau:					
	KS314DE02	Chăm sóc khách hàng trong môi trường toàn cầu	Customer Service in a Global Environment	3	45	DL103DV02_Tổng quan DL và KS-NH hoặc SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
	SK404DE01	Quản trị sự kiện thể thao	Contemporary Sport Event Management	3	45	DL302DV02_Nhập môn Quản trị sự kiện hoặc SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
	SK308DV01	Quản lý địa điểm và cơ sở vật chất trong sự kiện thể thao	Facility and Venue Management in Sport Event	3	45	DL302DV02_Nhập môn Quản trị sự kiện hoặc SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
	SK309DE01	Tổ chức & đánh giá sự kiện thể thao	Operation & Measurement of Sport Event	3	45	DL302DV02_Nhập môn Quản trị sự kiện hoặc SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
Tổng cộng				20	225	

HỌC KỲ HÈ

Stt	MSMH	Tên môn học	Tên môn học	Tín	Tổng số	Môn học trước
1	SE402DV01	Tài chính & Kinh doanh thể thao	Finance and Business in Sport	3	45	SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao AV211DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 6
Tổng cộng				3	45	

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HỌC KỲ 7

Stt	MSMH	Tên môn học	Tên môn học	Tín	Tổng số	Môn học trước
Chọn 1 trong 2 hình thức:						
1	SE450DV01	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	9		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN
2	SE451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Paper	9		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN
Tổng cộng				9		

HỌC KỲ PHỤ: Hết lộ trình mẫu - SV có thể trả nợ hoặc nghỉ hè

Lưu ý:

1/ Đối với các Kế hoạch học tập dành cho sinh viên có trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 2, EIC 3, EIC 4, EIC 5, EIC 6, các môn tiếng Anh được sắp xếp theo bảng bên dưới (các môn học khác được sắp xếp tương tự như Kế hoạch này):

Stt	Trình độ anh văn đầu vào	Năm 1		
		Học kỳ 1 và học kỳ Tết	Học kỳ 2	Học kỳ hè
1	EIC 2	EIC 2 + EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
2	EIC 3	EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
3	EIC 4	EIC 4	EIC 5	EIC 6
4	EIC 5	EIC 5	EIC 6	
5	EIC 6	không học tiếng Anh	EIC 6	

2/ Các môn học Giáo dục thể chất sẽ được sắp xếp tùy điều kiện thực tế của nhà trường.

Tổng tín chỉ tích lũy: 128

Số tín chỉ GDTC: 3

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2021

Trưởng Ban dự án mở ngành



TS. Nguyễn Thị Hiền Thanh

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..